**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 01/TK-THADS**

**Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc**

**1. Nội dung**

Phản ánh kết quả tổ chức thi hành án về việc của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống thi hành án dân sự.

**2. Giải thích một số chỉ tiêu**

- Tổng số bản án, quyết định đã nhận là số bản án, quyết định cơ quan thi hành án dân sự nhận trong kỳ bao gồm các bản án, quyết định được quy định cụ thể tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

- Tổng số việc giải quyết là số việc phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm: số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Việc năm trước chuyển sang là số việc chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của những năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Việc thụ lý mới là số việc đã ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý trong kỳ báo cáo.

- Việc ủy thác là số việc đã ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án và số việc ủy thác một phần).

- Việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án là số việc đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới.

- Tổng số việc phải thi hành là số việc thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số việc chuyển sổ theo dõi riêng, số việc ủy thác thi hành án, số việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Việc có điều kiện thi hành là việc mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Việc có điều kiện bao gồm: việc thi hành xong; việc đình chỉ thi hành án; việc đang trong quá trình tiến hành các thủ tục để thi hành các quyền, nghĩa vụ theo quy định (việc đang thi hành); việc thuộc trường hợp khác.

- Tổng số việc thi hành xong là số việc cơ quan thi hành án dân sự đã thi hành xong và số việc đã có quyết định đình chỉ thi hành án. Việc thi hành xong được xác định trong như sau:

+ Việc đương sự đã thi hành xong toàn bộ các quyền, nghĩa vụ theo quyết định thi hành án;

+ Việc đã tổ chức thi hành xong một phần hoặc đình chỉ một phần quyết định thi hành án, phần còn lại đã ủy thác và đã xóa sổ thụ lý thi hành án;

+ Việc thi hành án mà cơ quan thi hành án dân sự đã thông báo cho người được thi hành án đến nhận tiền, tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; Việc thi hành án có nội dung giao số tiền, tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên đã thực hiện xong việc giao tiền, tài sản.

- Việc đình chỉ thi hành án là số việc cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự (trừ việc đình chỉ một phần).

- Việc đang thi hành là việc cơ quan thi hành án dân sự đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ thi hành án theo nội dung quyết định của bản án, quyết định tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Việc trường hợp khác là số việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền có liên quan đến quan điểm áp dụng pháp luật, liên quan đến quan điểm chủ trương, đường lối và tháo gỡ các khó khăn trong giải quyết vụ việc.

- Việc chưa có điều kiện thi hành được xác định như sau:

+ Là việc cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự;

+ Việc chưa có điều kiện khác là việc mà người phải thi hành án không có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; không thể tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án; có tài sản, nhưng tài sản thuộc diện không được kê biên, tài sản có giá trị quá nhỏ không đủ chi phí cưỡng chế hoặc chỉ có giá trị tinh thần; có tài sản là quyền sử dụng đất, nhưng đã hết thời hạn thuê mà không được giao sử dụng tiếp theo quy định của pháp luật; việc có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ khác mà đã xác định được số tiền còn lại không đủ để thi hành án hoặc tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế hình sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo xét xử và chi trả cho nghĩa vụ khác; việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước.

- Việc hoãn thi hành án là số việc cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc tạm đình chỉ thi hành án là số việc cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo là số việc đang trong thời hạn tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định Điều 146, 157 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc trong thời hạn tự nguyện thi hành án là số việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 45 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc chưa có điều kiện thi hành chuyển sổ theo dõi riêng là số việc đã được chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 được sửa đổi bằng Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020của Chính phủ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê.

*-* Tín dụng là khoản thu cho ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng; thống kê số việc thi hành cho người được thi hành án là tổ chức tín dụng, không bao gồm số việc thi hành án cho tổ chức tín dụng trong các bản án, quyết định hình sự về các tội tham nhũng, chức vụ và xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

- Việc thống kê kết quả thi hành đối với án tham nhũng, chức vụ: thống kê số việc thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự đối với các tội tham nhũng, chức vụ.

- Việc thống kê kết quả thi hành đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: thống kê số việc thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

**3. Đơn vị tính**

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Bản án, quyết định”, “Việc” và “%”. Mỗi quyết định thi hành án được tính là một việc.

**4. Nguồn số liệu**

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ chuyên môn nghiệp vụ có liên quan.

**5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu**

**5.1. Cách ghi phần chung**

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể:

a) Đối với biểu của Chấp hành viên phải ghi đầy đủ họ, tên Chấp hành viên và tên cơ quan thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác.

b) Biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, cụ thể: đối với biểu mẫu do Chấp hành viên lập, phần người lập biểu ghi tên Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận. Đối với biểu mẫu của Chi cục và của Cục, phần người lập biểu do công chức được giao làm công tác thống kê ký, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

**5.2. Cách ghi phần số**

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng báo cáo. Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan thi hành án trong quân đội.

 **5.2.1. Trang 1**

 **a) Cột:**

- Cột 2 = Cột (3 + 4)

- Cột 7 = Cột (8 + 14 + 15 + 16 +17 + 18) = Cột (2 – 5 – 6)

- Cột 8 = Cột (9 + 12 + 13)

- Cột 9 = Cột (10 + 11)

- Cột 19 = Cột (12 + 13 + 14+ 15+ 16 + 17 +18)

- Cột 20 = Cột (9/8) x 100

 **b) Dòng:**

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)

- Dòng I = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)

**5.2.2. Phân tích một số chỉ tiêu việc thi hành án dân sự (PT01)**

**-** Dòng 1, Cột 1 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.4 + 1.5 + 1.6 + 1.7 + 1.8)

- Dòng 1, Cột 2 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.5 + 1.7 + 1.8)

- Dòng 3, Cột 1 = Dòng (3.1 + 3.2 + 3.4 + 3.5 + 3.6 + 3.7 + 3.9)

Trong đó: Dòng 3.9, Cột 1 = (3.9.1 + 3.9.2)

- Dòng 3, Cột 2 = Dòng (3.1 + 3.2 + 3.3 + 3.4 + 3.5 + 3.6 + 3.7 + 3.8 + 3.9)

Trong đó: Dòng 3.9, Cột 2 = (3.9.1 + 3.9.2)

- Dòng 4, Cột 1 = Dòng (4.1 + 4.2) trong đó: Dòng 4.1, Cột 1 = (4.1.1 + 4.1.2)

- Dòng 4, Cột 2 = Dòng (4.1 + 4.2) trong đó: Dòng 4.1, Cột 2 = (4.1.1 + 4.1.2)

- Dòng 5, Cột 1 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)

- Dòng 5, Cột 2 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)

**5.3.** **Công thức tính:**

$$Tỷ lệ thi hành xong về việc (\%) = \frac{Tổng số thi hành xong }{Tổng số có điều kiện thi hành} x 100\%$$